**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN LONG HỒ**
**TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08/4/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Phạm Thị Ánh Tuyết**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Huỳnh Anh Dũng**

2. Ông **Lê Minh Toàn**

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Nguyễn Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa****:* Ông Trần Long Châu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 232/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Nguyễn Lê U**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 22/2, ấp P, xã Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: Khu trọ công nhân, ấp P, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Phú N**, sinh năm 1982 (vắng)

Địa chỉ: Số 22/2, ấp P, xã Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Nguyễn Lê U trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Phú N qua quen biết tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 04/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì vợ chồng bắt phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh N không chăm lo cho cuộc sống gia đình, thích ăn chơi bạn bè bên ngoài xúc phạm chị và gia đình chị. Bản thân chị đã nhiều lần khuyên ngăn anh N thay đổi để tiếp tục xây dựng

hạnh phúc gia đình nhưng không được. Khoảng năm 2016 chị có nộp đơn xin ly hôn với anh N nhưng được Tòa án động viên, hàn gắn nên chị đã cho anh N cơ hội nhưng đến nay anh N không thay đổi. Chị và anh N không còn sống chung từ 2018 đến nay. Vợ chồng không còn liên hệ với nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn từ đó làm cho mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn, không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Phú N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Phú Nhật D, sinh ngày 30/5/2014 và Nguyễn Phú Nhật T, sinh ngày 19/10/2015 hiện do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 2 con chung. Theo đơn khởi kiện chị có yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi mỗi người con là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi, nay chị rút lại yêu cầu này, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm việc tại Công ty TNHH T thu nhập mỗi tháng khoảng trên 6 triệu đồng nên có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con, ngoài ra thì có mẹ ruột của chị giúp đỡ chị chăm sóc hai con khi chị đi làm.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

*- Bị đơn Nguyễn Phú N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.*

*Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn Trần Nguyễn Lê U vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn Nguyễn Phú N vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ Điều 147, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Nguyễn Lê U yêu cầu anh Nguyễn Phú N cấp dưỡng nuôi 02 con chung Nguyễn Phú Nhật D và Nguyễn Phú Nhật T, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Nguyễn Lê U.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Nguyễn Lê U được ly hôn với anh Nguyễn Phú N.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phú Nhật D, sinh ngày 30/5/2014 và Nguyễn Phú Nhật T, sinh ngày 19/10/2015 cho chị Trần Nguyễn Lê U chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Phú N có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Phú Nhật D và Nguyễn Phú Nhật T mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Trần Nguyễn Lê U phải nộp 300.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Trần Nguyễn Lê U khởi kiện về việc xin ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn với bị đơn Nguyễn Phú N có địa chỉ tại ấp P, xã Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Phú N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn Nguyễn Phú N.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Nguyễn Lê U và anh Nguyễn Phú N kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 04/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Long Hồ,

tỉnh Vĩnh Long do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo nguyên đơn trình bày, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt phát sinh mâu thuẫn do anh N không chăm lo cho gia đình, thích ăn chơi bạn bè bên ngoài nên vợ chồng thường cự cãi nhau. Bản thân chị U đã nhiều lần khuyên nhủ anh N thay đổi để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không được. Chị và anh N không còn sống chung từ 2018 đến nay. Tại phiên tòa, chị U xác định không còn tình cảm với anh N, vợ chồng không thể hàn gắn được và chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy, từ năm 2018 cho đến nay chị U và anh N không còn sống chung với nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa hôm nay, anh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên mặc nhiên anh N cũng đã biết được nguyên nhân dẫn đến ly hôn nhưng anh vẫn chưa có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị U.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 05/01/2022 Tòa án có đến xác minh tại địa phương ấp P, xã Q, huyện Long Hồ được cung cấp thông tin như sau: anh Nguyễn Phú N và chị Trần Nguyễn Lê U là vợ chồng sống tại địa phương ấp P, xã Q. Thời gian chung sống thì anh N có thói quen cờ bạc dẫn đến nợ nần nên bỏ địa phương đi từ khoảng năm 2018 đôi lúc có về nhưng rất ít, anh N và chị U không còn sống chung từ năm 2018 đến nay.

Vì vậy, có căn cứ để xác định các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu của chị U được ly hôn với anh N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

- Về con chung: Chị U và anh N có 02 con chung tên Nguyễn Phú Nhật D, sinh ngày 30/5/2014 và Nguyễn Phú Nhật T, sinh ngày 19/10/2015 hiện do chị U nuôi dưỡng. Chị U yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung.

Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 19/11/2021 cháu Nguyễn Phú Nhật D trình bày hiện cháu đang sống chung với mẹ là Trần Nguyễn Lê U, trong trường hợp cha và mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ cháu.

Xét thấy, hai con chung hiện đang sống chung với chị U và chị U cũng có đủ điều kiện nuôi con như chị đi làm có thu nhập ổn định và mẹ ruột chị phụ giúp chị

chăm sóc hai con. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của 02 cháu cũng như dựa trên nguyện vọng của cháu D nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị U. Giao 02 con chung Nguyễn Phú Nhật D và Nguyễn Phú Nhật T cho chị U được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị U rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi hai con chung Nguyễn Phú Nhật D và Nguyễn Phú Nhật T mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho khi hai con chung đủ 18 tuổi. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 71, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này và không đặt ra, xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị U không yêu cầu giải quyết và bị đơn anh N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Buộc chị Trần Nguyễn Lê U phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Nguyễn Lê U yêu cầu anh Nguyễn Phú N cấp dưỡng nuôi 02 con chung Nguyễn Phú Nhật D và Nguyễn Phú Nhật T mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Nguyễn Lê U.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Nguyễn Lê U được ly hôn với anh Nguyễn Phú N.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Phú Nhật D, sinh ngày 30/5/2014 và Nguyễn Phú Nhật T, sinh ngày 19/10/2015 cho chị Trần Nguyễn Lê U trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Nguyễn Phú N có quyền, nghĩa vụ thăm nom 02 con chung Nguyễn Phú Nhật D và Nguyễn Phú Nhật T mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Trần Nguyễn Lê U nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị U đã nộp theo biên lai thu số 0006791 ngày 18/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên chị U không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Quới;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Ánh Tuyết**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Ánh Tuyết**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Quới;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Ánh Tuyết**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Ánh Tuyết**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**- THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Ánh Tuyết**